

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Đợt: HK 2 (2020 - 2021)
Môn học phần: 0714001618 - Hóa học
4

Ngày thi: / /2021

Nhóm:

Giờ thi:

Phòng:

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã LHP	Mã đề	Ký tên	Điểm	
								Bảng số	Bảng chữ
1	18000858	Nguyễn Phúc Minh	Châu	28/10/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 1		8.3	Tám ba
2	18000310	Phạm Hoàng Minh	Đăng	29/01/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 2		7.5	Bảy năm
3	18005066	Vũ Nguyễn Thanh	Danh	20/08/2000	18T4-TKW1	Đề tài số 3		7.3	Bảy ba
4	18000279	Lù Thế	Dinh	18/11/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 4		8.0	Tám chẵn
5	18000168	Lê Xuân	Đông	28/02/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 5		7.5	Bảy năm
6	18000914	Trần Hữu	Đông	16/12/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 6		7.8	Bảy tám
7	18000126	Trần Lê Trung	Hậu	17/08/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 7		7.3	Bảy ba
8	18001223	Đặng Thái	Hòa	20/12/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 8		6.3	Sáu ba
9	18000165	Võ Thanh	Hùng	30/04/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 9		7.5	Bảy năm
10	18000373	Trần Quốc	Khánh	29/08/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 11		8.5	Tám năm
11	18002270	Trần Đăng	Khoa	20/12/2001	18T4-LTM2	Đề tài số 12		8.3	Tám ba
12	18000329	Phan Hoàng	Lâm	05/04/2002	18T4-LTM2	Đề tài số 13		7.8	Bảy tám
13	18000864	Trần Nguyễn Kim	Ngân	22/11/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 14		6.5	Sáu năm
14	18000382	Trương Minh	Nghĩa	08/12/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 15		7.0	Bảy chẵn
15	18001158	Nguyễn Thanh	Nhật	30/12/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 16		6.3	Sáu ba
16	18001799	Trương Hoàng	Phúc	03/12/1998	18T4-LTM2	Đề tài số 17		8.5	Tám năm
17	18000218	Võ Hữu	Phước	10/09/1994	18T4-LTM2	Đề tài số 18		6.0	Sáu chẵn
18	18002954	Nguyễn Ngọc Khánh	Tâm	04/02/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 20		8.5	Tám năm
19	18000857	Nguyễn Thọ	Thắng	19/08/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 21		6.8	Sáu tám
20	18001207	Phạm Nguyễn Minh	Thư	17/06/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 22		6.5	Sáu năm
21	18001027	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	16/06/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 23		6.8	Sáu tám
22	18001230	Nguyễn Gia	Tiến	25/01/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 24		8.3	Tám ba
23	18003363	Trương Văn	Toàn	09/11/1995	18T4-LTM2	Đề tài số 25		7.8	Bảy tám
24	18002542	Nguyễn Đặng Thế	Vinh	22/12/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 26		7.3	Bảy ba
25	18000503	Bùi Bá Hoàn	Vũ	07/09/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 27		6.5	Sáu năm
26	18001374	Trần Đức	Anh	03/06/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 28		8.8	Tám tám
27	18001064	Trần Hoàng Gia	Bảo	17/10/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 29		7.3	Bảy ba
28	18005277	Đinh Hoàng	Duy	28/10/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 30		8.0	Tám chẵn
29	18001458	Ao Thiêng	Giá	24/09/2001	18T4-TKW1	Đề tài số 31		6.8	Sáu tám
30	18000248	Huỳnh Hồng	Hải	13/09/2003	18T4-LTM2	Đề tài số 32		6.8	Sáu tám
31	18000121	Phạm Minh	Hoàng	14/01/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 33		6.3	Sáu ba
32	18004686	Hồ Viết Quang	Hưng	16/08/2002	18T4-TKW1	Đề tài số 34		6.3	Sáu ba
33	18001721	Bùi Phước	Huy	14/08/2002	18T4-TKW1	Đề tài số 36		7.0	Bảy chẵn
34	18000203	Nguyễn Trần Quang	Huy	10/05/2002	18T4-LTM2	Đề tài số 37		8.3	Tám ba
35	18000648	Võ Văn Duy	Khánh	06/08/2001	18T4-TKW1	Đề tài số 38		5.8	Năm tám
36	18000319	Lê Thanh	Kiệt	27/09/2002	18T4-TKW1	Đề tài số 39		7.8	Bảy tám
37	18000370	Lộ Phú Tấn	Phát	08/09/1999	18T4-TKW1	Đề tài số 40		6.5	Sáu năm
38	18000994	Trương Đình	Phúc	04/08/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 1		7.3	Bảy ba
39	18001447	Trương Tấn	Sang	03/09/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 3		7.0	Bảy chẵn
40	18000130	Hà Anh	Tài	26/07/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 5		6.8	Sáu tám
41	18003605	Võ Trương Thiên	Thiên	24/10/2003	18T4-TKW1	Đề tài số 7		6.5	Sáu năm

42	18002628	Cao Văn	Thông	01/02/2002	18T4-TKW1	Đề tài số 9		6.5	Sáu năm
----	----------	---------	-------	------------	-----------	-------------	--	-----	---------

Ghi chú:

Danh sách gồm 42 sinh viên.

Số dự kiểm tra là __42__ sinh viên.

Số vắng kiểm tra là __00__ sinh viên.

Cán bộ chấm thi 1

(Ký và ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi 2

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Phương Hà

Lê Văn Bình

TP. HCM, ngày tháng năm 20.....

Trưởng khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

[illegible]

